| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THỐNG NHẤT**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 97/2024/HS-ST
Ngày: 10-7-2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thùy Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Lan

Bà Cao Thị Kim Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Trần Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 95/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 98/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2024/HSST-QĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

**1. Phạm Đức H**, sinh năm 1986, tại Đồng Nai; căn cước công dân số 075086021314; nơi cư trú: Số H, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H1 (1964) và bà Phạm Thị T (1967); bị cáo là con thứ ba trong gia đình có bảy anh chị em và chưa có vợ con; tiền án: Ngày 28/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 59/2017/HS-ST, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 05/12/2017 và nộp phạt vào ngày 01/3/2024; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 27/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt 11 (Mười một) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 98/2013/HS-ST, chấp hành xong ngày 05/6/2014; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2024 đến ngày 06/02/2024 được tại ngoại. (Có mặt)

**2. Phạm Thanh T1**, sinh năm 1984, tại Đồng Nai; căn cước công dân số: 075084015723; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Số E, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp:

Buôn bán; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T2 (1952) và bà Nguyễn Thị N (1956); bị cáo là con thứ ba trong gia đình có bốn chị em, có vợ Vũ Thị Giáng H2 (1986) và hai con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 17/3/2004, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án số 114/2004/HS-PT, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/6/2006; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2024 đến ngày 06/02/2024 được tại ngoại. (Có mặt)

**3. Nguyễn Hữu C**, sinh năm 1989, tại Đồng Nai; căn cước công dân số 075089019432; nơi cư trú: Số A, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Anh T3 (1962) và bà Ngô Thị Đ (1965); bị cáo là con thứ ba trong gia đình có sáu anh chị em; có vợ Đinh Thị Thu T4 (1992) và hai con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 08/5/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo Bản án số 60/2020/HS-ST, chấp hành xong ngày 05/02/2021; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2024 đến ngày 06/02/2024 được tại ngoại. (Có mặt)

**4. Mai N1**, sinh năm 1980, tại Đồng Nai; căn cước công dân số 075080005609; nơi cư trú: Số D, ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Xuân P (1939) và bà Phạm Thị T5 (Chết); bị cáo là con thứ năm trong gia đình có sáu chị em, có vợ Nguyễn Thị H3 (1988) và hai con, con lớn sinh năm 2012 và con nhỏ sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/01/2024 đến ngày 16/01/2024 được tại ngoại. (Có mặt)

**5. Nguyễn Ngọc N2**, sinh năm 1990, tại Đồng Nai; căn cước công dân số 075090026090; nơi cư trú: Số F, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc K (Chết) và bà Nguyễn Thị Tuyết M (1960); bị cáo là con thứ sáu trong gia đình có tám anh chị em, có vợ Trần Thị Kim P1 (1990) và một con sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/01/2024 đến ngày 16/01/2024 được tại ngoại. (Có mặt)

**6. Mai Anh V**, sinh năm 1996, tại Đồng Nai; căn cước công dân số 075096008409; nơi cư trú: Số A, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Đức L (1971) và bà Nguyễn Thị Bích N3 (1975); bị cáo là con thứ hai trong gia đình có bốn anh em và chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/01/2024 đến ngày 16/01/2024 được tại ngoại. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Ngọc L1, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Số I, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Anh T3, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 20 phút ngày 08/01/2024, tại số nhà I, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện T bắt quả tang Phạm Thanh T1, Nguyễn Hữu C, Phạm Đức H, Mai N1, Mai Anh V và Nguyễn Ngọc N2 về hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài "Phỏm" thắng thua bằng tiền.

Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.420.000 đồng (trước vị trí của T1 số tiền là 4.000.000 đồng, trước vị trí của C số tiền là 940.000 đồng, trước vị trí của H số tiền là 160.000 đồng, trước vị trí của N1 số tiền là 320.000 đồng) và số tiền 250.000 đồng bên trong hộp giấy in dòng chữ Double K được đặt bên cạnh chiếu bạc.

Thu giữ trong túi quần trái của M Nguyễn số tiền là 7.700.000 đồng (cột dây thun) và số tiền 500.000 đồng ở túi quần phải; thu giữ trên người Nguyễn Hữu C số tiền 10.000 đồng; thu giữ một bộ bài Tú lơ khơ, một mền vải kích thước 1,8mx1,5m dùng làm chiếu bạc.

Quá trình điều tra, xác định hành vi phạm tội như sau: Trong các ngày 07/01/2024 và 08/01/2024 tại nhà của ông Nguyễn Ngọc L1 tại số I, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai do Mai Anh V (cháu của ông L1) là người quản lý, sử dụng. Phạm Thanh T1, Mai N1, Phạm Đức H, Nguyễn Ngọc N2 rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh bài "Phỏm" thắng thua bằng tiền và được V đồng ý. Các bị cáo sử dụng một mền vải kích thước 1,8mx1,5m có sẵn trong nhà dùng làm chiếu bạc; Phạm Thanh T1 đưa cho Nguyễn Ngọc N2 số tiền 100.000 đồng để đi mua bài tây 52 lá để đánh bạc.

* *Cách thức chơi đánh bài "Phỏm" như sau*: Các đối tượng sử dụng bộ bài tây 52 lá hiệu Double K. Người chơi đầu tiên được chia 10 lá, ba người còn lại mỗi người 09 lá; các lá bài còn lại gọi là "bài nọc" đặt giữa chiếu bạc. Người chơi đầu tiên đánh 01 lá, người tiếp theo sẽ ăn bài nếu lá bài của người đánh trước hợp với các lá bài đang cầm thành 01 "phỏm"; nếu không ăn sẽ bốc 01 lá trên cùng của "bài nọc". Sau khi ăn bài/bốc bài người chơi phải đánh 01 lá bài cho người ngồi bên phải và lặp lại đến khi kết thúc ván bài (ván bài sẽ kết thúc khi có 01 người chơi "ù" hoặc hết "bài nọc"). Khi đánh bài lượt cuối, người chơi phải hạ "phỏm" mình đang có; các lá bài còn lại ("bài rác") được giữ lại để tính điểm phân định thắng thua.

+ “Phỏm” là bài có từ 03 lá bài trở lên cùng chất liên tiếp nhau hoặc khác chất nhưng cùng một quân bài;

+ “Ù” là khi tất cả lá bài đều là “phỏm” và không có bài rác;

+ “Ăn chốt” là ăn lá bài lượt đánh cuối;

+ “Đền bài” là bị người chơi khác ăn 03 lá bài;

+ “Cháy” là kết thúc ván bài nhưng không có "phỏm”;

+ Tính điểm “bài rác” là kết thúc ván bài, người chơi không bị “cháy” sẽ hạ phỏm; các lá “bài rác” cộng điểm tính thắng - thua như sau: các quân bài từ 2 tới 10 tương ứng với 2-10 điểm; các quân bài A, J, Q, K tương ứng với 1, 11, 12, 13 điểm.

* *Cách thức tính thắng thua như sau*:

Nếu ván bài không có ai “Ù” thì người về Nhất sẽ thắng, 03 người còn lại là N4, B và B1 lần lượt tương ứng số tiền là 20.000 đồng, 40.000 đồng và 60.000 đồng. Người nào bị ăn một lá bài thì thua 20.000 đồng, hai lá bài thì thua 40.000 đồng, ba lá bài thì “Đền bài”. Ai bị ăn “Chốt hạ” thì thua 60.000 đồng cho người ăn. Ai bị “Cháy” thì thua 60.000 đồng cho người Nhất.

Nếu ván bài có người “Ù” thì sẽ thắng mỗi nhà còn lại số tiền 100.000 đồng. Ai bị “Đền bài” thì sẽ thua tổng số tiền là 360.000 đồng (300.000 đồng cho cả ba người chơi và 60.000 đồng cho 02 lá bài bị ăn trước đó).

Các đối tượng khai nhận mang theo số tiền đưa vào đánh bạc và kết quả thắng, thua như sau:

- Mai Anh V là người sử dụng địa điểm do mình quản lý, sử dụng để cho các đối tượng tham gia đánh bạc.

- Phạm Thanh T1 sử dụng số tiền 1.600.000 đồng đưa vào đánh bạc, thắng bạc số tiền 2.400.000 đồng.

- Nguyễn Hữu C sử dụng số tiền 1.000.000 đồng đưa vào đánh bạc, thua số tiền 60.000 đồng.

- Phạm Đức H sử dụng số tiền 1.500.000 đồng đưa vào đánh bạc, thua số tiền 1.190.000 đồng.

- Mai N1 sử dụng số tiền 1.020.000 đồng đưa vào đánh bạc, thua số tiền 700.000 đồng.

- Nguyễn Ngọc N2 sử dụng số tiền 700.000 đồng đưa vào đánh bạc, thua số tiền 200.000 đồng (H để lại cho N2 số tiền 150.000 đồng, sau khi thua hết số tiền 150.000 đồng, N2 tiếp tục lấy ra số tiền 550.000 đồng để đánh bạc).

Khoảng 01 giờ 20 phút ngày 08/01/2024, khi các đối tượng đang tham gia đánh bạc thì lực lượng Công an vào bắt quả tang.

Tại Cáo trạng số 51/CT.VKS-TN ngày 15 tháng 4 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố Phạm Thanh T1, Nguyễn Hữu C, Phạm Đức H, Mai N1, Nguyễn Ngọc N2 và Mai Anh V về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* *Về hình phạt chính*:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Đức H từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Phạm Thanh T1, Nguyễn Hữu C mỗi bị cáo từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 02 (Hai) năm đến 03 (Ba) năm.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Mai Anh V, Nguyễn Ngọc N2 và Mai Nguyễn m bị cáo từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 02 (Hai) năm đến 03 (Ba) năm.

* *Về hình phạt bổ sung*: Xử phạt mỗi bị cáo từ 10.00.000đ (Mười triệu đồng) đến 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

* *Về các biện pháp tư pháp*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu sung công đối với số tiền 6.170.000đ (Sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng); trong đó, số tiền 5.420.000đ (Năm triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) thu giữ trên chiếu bạc; số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) thu giữ ở túi quần phải của Mai N1 và số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) để trong hộp giấy in dòng chữ Double K được đặt bên cạnh chiếu bạc; tịch thu tiêu hủy một bộ bài Tú lơ khơ và một mền vải kích thước 1,8mx1,5m.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã mô tả, không tham gia tranh luận chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa

các bị cáo khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt*: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Với mục đích thu lợi bất chính, trong khoảng thời gian từ 17 gờ 00 phút ngày 07/01/2024 đến 01 giờ 00 phút ngày 08/01/2024 tại nhà số I, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Mai Anh V chuẩn bị địa điểm cho Phạm Thanh T1, Mai N1, Phạm Đức H, Nguyễn Hữu C và Nguyễn Ngọc N2 thực hiện đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài "Phỏm" thắng thua bằng tiền thì bị Công an bắt quả tang và thu giữ trên chiếu bạc số tiền là 5.420.000đ (Năm triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng); thu giữ số tiền 250.000 đồng trong hộp giấy in dòng chữ Double K được đặt bên cạnh chiếu bạc và thu giữ ở túi quần phải của Mai N1 số tiền là 500.000 đồng.

Riêng Mai Anh V mặc dù không tham gia đánh bạc nhưng đã đồng ý sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình cho các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội nên đủ cơ sở để xác định vai trò đồng phạm của V.

Như vậy, hành vi của các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội *"Đánh bạc"* với tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự*:"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền ... trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"*. Do đó, Cáo trạng số 51/CT.VKS-TN ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai cho các bị cáo.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo*: Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Đánh bạc là tệ nạn xã hội, là hình thức tước đoạt tài sản của nhau, vì vậy Nhà nước nghiêm cấm đánh bạc trái phép. Tuy nhiên, vì hám lợi các bị cáo đã cùng nhau đánh bạc nhằm thu lợi ích vật chất mà không phải lao động chân chính. Hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng không tốt đến nếp sống văn minh, cũng như tác động xấu đến đời sống gia đình, cộng đồng. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với hành vi, mức độ phạm tội của các bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:*

[4.1] *Về nhân thân của các bị cáo:*

- Bị cáo H có nhân thân xấu vì năm 2013 bị cáo bị kết án về tội "Đánh bạc" mặc dù đã được xóa án tích nhưng đến năm 2017 bị cáo lại bị kết án về tội "Đánh bạc" và chưa được xóa án tích.

- Bị cáo T1 đã từng bị kết án về tội "Cướp giật tài sản", còn bị cáo C đã từng bị kết án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nhưng đều đã được xóa án tích.

- Các bị cáo V, N2, N1 đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4.2] *Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo:*

- Năm 2017, bị cáo H bị kết án về tội "Đánh bạc" chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *"Tái phạm"* quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo T1, C, V, N2 và N1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.3] *Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:*

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bản thân các bị cáo đều có học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế. Riêng T1 và C hiện có hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo V, N1 và N2 thì đây là lần phạm tội đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên xét cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về quyết định hình phạt*: Các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, cần phân hóa hình phạt đối với từng bị cáo tương ứng với mức độ tham gia của các bị cáo trong vụ án, cụ thể như sau:

Phạm Đức H mang theo số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc nhưng bản thân bị cáo đã từng bị kết án về tội "Đánh bạc" với hình phạt cải tạo không giam giữ và được xóa án tích nhưng bị cáo lại tái phạm và bị xử phạt tiền chưa được xóa án tích bị cáo lại tiếp tục phạm tội thể hiện bị cáo chưa nhận thức được hành vi vi phạm của mình để khắc phục nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc hơn để giáo dục, răn đe đối với bị cáo. Do đó, xét cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để bị cáo suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình, tự giác cải tạo, học tập, lao động trở thành công dân sống lương thiện, có ích cho xã hội và biết tuân thủ pháp luật.

Phạm Thanh T1 mang theo số tiền 1.600.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Hữu C mang theo số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc; bản thân các bị cáo mặc dù đã từng bị kết án nhưng đều đã được xóa án tích nên mức hình phạt của hai bị cáo sẽ thấp hơn bị cáo H nhưng cao hơn các bị cáo khác.

Mai N1 theo số tiền 1.020.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Ngọc N2 mang theo số tiền 550.000 đồng để đánh bạc nên hình phạt của các bị cáo sẽ cao hơn bị cáo V nhưng sẽ thấp hơn bị cáo T1 và C.

Còn Mai Anh V dù biết các bị cáo mượn địa điểm thuộc quyền quản lý của mình để thực hiện hành vi phạm tội nhưng bị cáo vẫn đồng ý, tuy nhiên bị cáo không nhận lợi ích gì từ việc đánh bạc của các bị cáo nên hình phạt của bị cáo sẽ thấp hơn các bị cáo khác.

Các bị cáo (N1, N2, V) đều là đồng phạm giữ vai trò thứ yếu, có nhân thân tốt và đều là phạm tội lần đầu.

Các bị cáo (T1, C, N1, N2 và V) có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, số tiền tham gia đánh bạc của các bị cáo không lớn; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có khả năng tự cải tạo, giáo dục nên việc buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là không cần thiết như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối chiếu Nghị quyết hợp nhất văn bản hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự tại khoản 2 Điều 2 quy định: "Điều kiện cho người được kết án hưởng án treo", như vậy các bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo nên giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách là đủ nghiêm, tạo điều kiện cho các bị cáo tiếp tục lao động để cống hiến cho gia đình và xã hội đồng thời cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Để tăng sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, cần áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, xử phạt bổ sung bằng hình phạt tiền đối với các bị cáo với mức phạt bổ sung tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

Riêng bị cáo V không tham gia đánh bạc, bị cáo không thu lợi ích gì từ việc đánh bạc của các bị cáo khác, việc áp dụng hình tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách phù hợp là đủ sức răn đe nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] *Về các biện pháp tư pháp*:

- Số tiền 7.700.000đ (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) của Nguyễn Ngọc N2 và số tiền 10.000đ (Mười nghìn đồng) của Nguyễn Hữu C không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho các bị cáo *(Theo Quyết định xử lý vật chứng số 439/QĐ ngày 15/3/2024 và Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 16/3/2024)* là phù hợp.

- Một bộ bài tú lơ khơ và một mền vải kích thước 1,8mx1,5m là công cụ, phương tiện phục vụ cho việc đánh bạc, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 6.170.000đ (Sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) liên quan đến hành vi đánh bạc cần tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

[8] *Về các vấn đề khác*: Ông Nguyễn Ngọc L1 là chủ căn nhà số I, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nhưng ông L1 đi làm thuê thường vắng nhà và nhờ Mai Anh V trông coi. Ông L1 không biết V đã sử dụng căn nhà trên cho các đối tượng dùng để đánh bạc nên không có cơ sở xử lý đối với ông L1.

[9] *Về án phí*: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[11] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh và điều khoản truy tố là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên chấp nhận. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc về nhân thân, các tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo thể hiện được tính nghiêm minh và sự khoan hồng của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 47; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự;

- Điều 106 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về tội danh**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Đức H, Phạm Thanh T1, Nguyễn Hữu C, Mai N1, Nguyễn Ngọc N2 và Mai Anh V phạm tội "Đánh bạc".

**2. Về hình phạt**

*2.1 Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.*

**Xử phạt** bị cáo Phạm Đức H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù kể từ ngày bị cáo vào cơ sở chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2024 đến ngày 05/02/2024.

*2.2 Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.*

**Xử phạt** bị cáo Phạm Thanh T1 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (Ba) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 10/7/2024).

**Xử phạt** bị cáo Nguyễn Hữu C 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (Ba) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 10/7/2024).

*2.3 Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.*

**Xử phạt** bị cáo Mai N1 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 10/7/2024).

**Xử phạt** bị cáo Nguyễn Ngọc N2 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 10/7/2024).

**Xử phạt** bị cáo Mai Anh V 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 10/7/2024).

Hình phạt bổ sung: Bị cáo Phạm Đức H, Phạm Thanh T1, Nguyễn Hữu C, Mai N1 và Nguyễn Ngọc N2 mỗi bị cáo phải nộp 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Giao các bị cáo Phạm Thanh T1, Nguyễn Hữu C, Mai N1, Nguyễn Ngọc N2 và Mai Anh V cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**3. Về các biện pháp tư pháp:**

- Tịch thu tiêu hủy một bộ bài tú lơ khơ và một mền vải kích thước 1,8mx1,5m *(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản đề ngày 17 tháng 4 năm 2024 giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T)*.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 5.920.000đ (Năm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0004008 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai và số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T chuyển vào Kho bạc Nhà nước huyện Thống Nhất qua số tài khoản 3949.0.1036368.00000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo Giấy nộp tiền ngày 30/5/2024.

**4. Về án phí:** Buộc các bị cáo Phạm Thanh T1, Phạm Đức H, Nguyễn Hữu C, Mai N1, Nguyễn Ngọc N2 và Mai Anh V mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:**

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CQTHAHS huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Thống Nhất;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thùy Trang**